

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND thành phố trong lĩnh vực viễn thông và internet; an toàn bức xạ và hạt nhân; bưu chính; hoạt động khoa học và công nghệ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quy định việc phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 2331/TTr-SKHCN ngày 29 tháng 6 năm 2026 về việc ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND thành phố trong lĩnh vực viễn thông và internet; an toàn bức xạ và hạt nhân; bưu chính; hoạt động khoa học và công nghệ và kết quả lấy ý kiến của thành viên UBND thành phố Đà Nẵng theo Công văn số 6985/VP-KGVX ngày 01/7/2026 của Văn phòng UBND thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND thành phố trong lĩnh vực viễn thông và internet; an toàn bức xạ và hạt nhân; bưu chính; hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Các trường hợp ủy quyền tại Điều 1 của Quyết định này được sử dụng hình thức văn bản, con dấu của Sở Khoa học và Công nghệ.

Thời hạn ủy quyền kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 28 tháng 2 năm 2027, trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật hoặc có văn bản thay thế, điều chỉnh nội dung ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

1. Tổ chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng nội dung ủy quyền và quy định của pháp luật.
2. Chịu trách nhiệm trước UBND thành phố và trước pháp luật về việc thực hiện các nội dung được ủy quyền. Không được ủy quyền tiếp đối với các nội dung đã được ủy quyền tại Quyết định này.
3. Tổng hợp số liệu, báo cáo định kỳ theo quy định hoặc đột xuất theo yêu cầu đến UBND thành phố (thông qua Sở Nội vụ) về các nội dung thực hiện theo ủy quyền tại Quyết định này.
4. Thông báo các nội dung được ủy quyền tại Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân để biết và thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này bị sửa đổi, bổ sung mà không làm thay đổi thẩm quyền thực hiện nội dung ủy quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung đó.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT: TU, HĐND thành phố;
- Chủ tịch và các PCT UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các phường, xã, đặc khu;
- Lưu: VT, SKHCN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND THÀNH PHỐ ỦY QUYỀN CHO
GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC HIỆN

*(Kèm theo Quyết định số 2919/QĐ-UBND ngày 02/7/2026
của UBND thành phố Đà Nẵng)*

1. Lĩnh vực viễn thông và internet

a) Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (trừ doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông (theo quy định tại Mục B.V, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)

b) Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của các doanh nghiệp viễn thông (trừ doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất) (theo quy định tại Mục B.VI, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)

c) Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) (theo quy định tại Mục B.VII, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)

d) Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) (theo quy định tại Mục B.VIII, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)

đ) Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) (theo quy định tại Mục B.IX, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)

e) Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên

mạng viễn thông cố định mặt đất) (theo quy định tại Mục B.X, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)

g) Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) (theo quy định tại Mục B.XI, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)

h) Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) (theo quy định tại Mục B.XII, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)

i) Cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cáp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia (theo quy định tại Mục B.XIII, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)

k) Cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông (theo quy định tại Mục B.XIV, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)

l) Cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng (theo quy định tại Mục B.XV, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)

m) Phân bổ mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn theo phương thức đấu giá (theo quy định tại Mục B.XVI, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)

n) Hoàn trả mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá (theo quy định tại Mục B.XVII, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)

o) Chuyển nhượng quyền sử dụng số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, mã mạng di động H2H phân bổ qua phương thức đấu giá (theo quy định tại Mục B.XVIII, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)

p) Xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông (theo quy định tại Mục B.XIX, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

2. Lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân

a) Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát neutron, electron và hạt mang điện khác (theo quy định tại Mục C.I, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

b) Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ (theo quy định tại Mục C.II, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

c) Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ (theo quy định tại Mục C.III, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

d) Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát neutron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ (theo quy định tại Mục C.IV, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

đ) Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát neutron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ (theo quy định tại Mục C.V, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

e) Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát neutron, electron và hạt mang điện khác (theo quy định tại Mục C.VI, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

g) Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (trừ người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)) (theo quy định tại Mục C.VII, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

h) Khai báo nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân, thiết bị bức xạ (trừ thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X), thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp (theo quy định tại Mục C.VIII, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

i) Thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng (theo quy định tại Mục C.IX, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

k) Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở (theo quy định tại Mục C.X, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

l) Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử (theo quy định tại Mục C.XI, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

m) Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ (theo quy định tại Mục C.XII, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

n) Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thử nghiệm thiết bị bức xạ (theo quy định tại Mục C.XIII, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

o) Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Tẩy xạ (theo quy định tại Mục C.XIV, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

p) Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Đánh giá hoạt độ phóng xạ (theo quy định tại Mục C.XV, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

q) Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ (theo quy định tại Mục C.XVI, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

r) Gia hạn Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ (theo quy định tại Mục C.XVII, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

s) Sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ (theo quy định tại Mục C.XVIII, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

3. Lĩnh vực bưu chính

a) Việc cấp giấy phép bưu chính trong phạm vi liên tỉnh, quốc tế (theo quy định tại Mục D.I, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

b) Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính trong phạm vi liên tỉnh, quốc tế (theo quy định tại Mục D.II, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

c) Việc cấp lại Giấy phép bưu chính khi hết hạn trong phạm vi liên tỉnh, quốc tế (theo quy định tại Mục D.III, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

d) Việc cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được trong phạm vi liên tỉnh, quốc tế (theo quy định tại Mục D.IV, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

đ) Việc cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (theo quy định tại Mục D.V, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

e) Việc cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (theo quy định tại Mục D.VI, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

g) Việc sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (theo quy định tại Mục D.VII, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).

4. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ

Việc cấp Giấy chứng nhận chuyên gia công nghệ khuyến khích chuyên gia (theo quy định tại Mục E.III, Phụ lục I, Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP).